

Số: 32/2011/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2011

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN Số: 3268
Ngày: 22/12/11

Chuyên: Về việc ban hành chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

CỤC CN ĐỊA PHƯƠNG

ĐẾN Số: 3268
Ngày: 26/12/11
Chuyên:
Lưu:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp.

Sau khi xem xét Tờ trình số: 4920/TTr-UBND ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND-KTNS ngày 02/12/2011 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành một số chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ:

Đối tượng áp dụng chính sách này là các cơ sở tiểu thủ công nghiệp (Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Tổ hợp tác; Hộ kinh doanh cá thể) đang hoạt động sản xuất từ trước ngày 01/01/2012 và thuộc diện thực hiện di dời theo quyết định của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg; các cơ sở này chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hiện đang sử dụng đất ở, đất vườn để sản xuất (trừ trường hợp lấn chiếm).

2. Các chính sách hỗ trợ:

2.1. Chính sách hỗ trợ các đối tượng di dời đến địa điểm mới (bao gồm cả những cơ sở có đất và những cơ sở đang thuê lại đất, nhà xưởng để hoạt động tại địa điểm cũ)

- Chính sách hỗ trợ tiền thuê lại đất tại địa điểm mới

+ Các cơ sở khi di dời đến địa điểm mới trong các khu, cụm công nghiệp sẽ được hỗ trợ một phần tiền thuê lại đất phải nộp tính cho từng năm trong 5 năm đầu. Diện tích đất được hỗ trợ bằng diện tích đất đang sử dụng tại cơ sở cũ. Trường hợp cơ sở di dời cần thuê lại diện tích đất lớn hơn so với diện tích đất của cơ sở cũ thì cơ sở phải tự trả tiền phần diện tích đất lớn hơn đó. Trường hợp cơ sở di dời cần thuê lại diện tích đất nhỏ hơn so với diện tích đất đang sử dụng tại cơ sở cũ thì diện tích đất được hỗ trợ bằng diện tích thuê lại tại địa điểm mới.

+ Mức được hỗ trợ bằng 40% tiền thuê lại đất tại các khu, cụm công nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ cho việc tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt nhà xưởng, thiết bị

+ Hỗ trợ chi phí di dời cho các nhà xưởng, bao gồm: tháo dỡ nhà xưởng, thiết bị, dọn dẹp mặt bằng và vận chuyển, lắp đặt tại địa điểm mới.

+ Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/m² nhà xưởng, mức hỗ trợ này sẽ được nhân với hệ số trượt giá hàng năm theo công bố của Tổng cục Thống kê. Các cơ sở tự nguyện di dời trước thời hạn sẽ được nhân với 150% hệ số trượt giá hàng năm.

+ Các cơ sở đủ điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ thuê lại đất khi di dời nhưng không thuê lại đất mà chỉ thuê nhà xưởng tại địa điểm mới thì sẽ được hỗ trợ một lần tiền thuê nhà xưởng. Mức hỗ trợ (bao gồm cả chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị) được tính theo diện tích nhà xưởng tại địa điểm cũ là 300.000 đồng/m² nhưng không quá 300.000.000 đồng đối với một cơ sở.

- Chính sách hỗ trợ lãi vay đầu tư xây dựng cơ sở mới

+ Các cơ sở di dời khi vay vốn để đầu tư xây dựng cơ sở mới sẽ được hỗ trợ lãi suất vốn vay sau đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời kỳ, tính trên tổng số tiền vay để thực hiện dự án đầu tư. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên Hợp đồng tín dụng nhưng không quá 24 tháng.

+ Tổng số vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa bằng 50% tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ sở tại địa điểm mới.

- Chính sách hỗ trợ trả lương cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất

Các cơ sở khi di dời phải tạm ngừng sản xuất được hỗ trợ một lần để chi trả tiền lương cho người lao động có thời gian làm việc đủ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm ngừng sản xuất, trong thời gian ngừng sản xuất được hỗ trợ 01 tháng tiền lương tối thiểu vùng và phụ cấp (nếu có) cho mỗi tháng ngừng việc, nhưng tối đa không quá 06 tháng.

- Chính sách hỗ trợ đối với số lao động mới được tuyển dụng

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn ban đầu (dạy nghề từ 3 tháng trở xuống) bằng 50% mức lương tối thiểu chung/tháng. Trong trường hợp đào tạo trên 3 tháng thì mức hỗ trợ không quá 1,5 lần mức lương tối thiểu chung/khoá đào tạo (áp dụng cho cụm công nghiệp).

- Chính sách sử dụng đất tại vị trí cũ

Đất tại vị trí cũ của các cơ sở phải di dời thì cơ sở đó được sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị và các quy định của pháp luật về đất đai.

2.2. Chính sách hỗ trợ các đối tượng thuộc diện di dời nhưng tự chuyển đổi ngành nghề sản xuất đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường và quy hoạch xây dựng đô thị:

- Chính sách hỗ trợ cho việc cải tạo lại mặt bằng nhà xưởng

+ Các cơ sở sản xuất khi chuyển đổi ngành nghề sản xuất sẽ được hỗ trợ kinh phí cho việc tháo dỡ thiết bị, dọn dẹp mặt bằng và cải tạo lại mặt bằng nhà xưởng.

+ Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/m² nhà xưởng, mức hỗ trợ này sẽ được nhân với hệ số trượt giá hàng năm theo công bố của Tổng cục Thống kê. Các cơ sở tự nguyện chuyển đổi ngành nghề trước thời hạn sẽ được nhân với 150% hệ số trượt giá hàng năm.

- Chính sách hỗ trợ trả lương cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất: Được áp dụng như Mục 2.1.

- Chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn ban đầu (dạy nghề từ 3 tháng trở xuống) bằng 50% mức lương tối thiểu chung/tháng. Trong trường hợp đào tạo trên 3 tháng thì mức hỗ trợ không quá 1,5 lần mức lương tối thiểu chung/khoá đào tạo (áp dụng cho cụm công nghiệp).

2.3. Chính sách hỗ trợ các đối tượng thuộc diện di dời nhưng tự chấm dứt hoạt động sản xuất:

- Chính sách hỗ trợ một lần đối với cơ sở tự chấm dứt hoạt động sản xuất

Các cơ sở thuộc đối tượng di dời nhưng tự chấm dứt hoạt động sản xuất sẽ được hỗ trợ một lần để giải quyết những khó khăn sau khi chấm dứt hoạt động sản xuất. Mức hỗ trợ là 300.000 đồng/m² nhà xưởng tại thời điểm chấm dứt hoạt động sản xuất nhưng không quá 300.000.000 đồng đối với một cơ sở.

- Chính sách hỗ trợ đối với số lao động nghỉ việc

+ Người lao động có tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Khi cơ sở thuộc diện phải di dời nhưng tự chấm dứt hoạt động thì người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp và các quy định của pháp luật.

+ Người lao động có nguyện vọng học nghề thì mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn ban đầu (dạy nghề từ 3 tháng trở xuống) bằng 50% mức lương tối

thiếu chung/tháng. Trong trường hợp đào tạo trên 3 tháng thì mức hỗ trợ không quá 1,5 lần mức lương tối thiểu chung/khoá đào tạo (áp dụng cho cụm công nghiệp).

+ Trong thời gian chờ tìm việc làm mới người lao động đã làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm nghỉ việc, được hỗ trợ 50% mức tiền lương tối thiểu vùng trong thời gian 03 tháng.

Điều 2. Thời gian thực hiện: 05 năm (2012 - 2016), kể từ ngày 01/01/2012.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách tỉnh bố trí hàng năm.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nội dung Nghị quyết này ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc hoặc có nội dung phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Thường trực, các Ban của Hội đồng và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XII, kỳ họp thứ 4, thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. /

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Công thương, Tư pháp, Tài chính, LĐTBXH (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.Tỉnh uỷ, TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- UB.MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị của tỉnh và TƯ đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS3.



Nguyễn Đức Long